

PHẦN II: TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra.

Mở đầu:

Trường ĐH CNTP TP.HCM trong giai đoạn 2017 – 2020 đã từng bước xây dựng và hoàn thiện hệ thống quản lý tiến độ đào tạo chuyên ngành CNKTMT trình độ thạc sĩ. Trường đã xây dựng qui trình, phân công bộ phận chịu trách nhiệm theo dõi, đánh giá tiến độ học tập, tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học; phân tích nguyên nhân và đề ra các giải pháp đảm bảo tiến độ học tập và nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp.

Trường đã đặt ra yêu cầu bắt buộc NCKH trong HV cao học, thể hiện ở hệ thống quy định, các hình thức nghiên cứu, từng bước nâng cao chất lượng luận văn thạc sĩ, đáp ứng yêu cầu phát triển ngành và năng lực của HV.

Trường đã xây dựng CSDL về việc làm của HV, định kỳ tiến hành khảo sát người học tốt nghiệp và nhà tuyển dụng về cải thiện cơ hội việc làm sau tốt nghiệp.

Trường cũng đã xây dựng qui trình, phân công bộ phận tiếp nhận phản hồi từ các BLQ; định kỳ triển khai các hoạt động khảo sát ý kiến phản hồi, làm cơ sở để cải tiến chất lượng đào tạo, CTĐT.

Tiêu chí 11.1: Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả:

Khung thời gian học tập của CTĐT thạc sĩ được quy định tối thiểu là 1.0 năm và tối đa là 03 năm đối với chương trình thạc sĩ ứng dụng; tối thiểu là 1.5 năm và tối đa là 4.0 năm đối với chương trình thạc sĩ nghiên cứu [H11.11.01.01].

Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường có nội dung tương ứng. Trường quan tâm và tạo điều kiện hỗ trợ để HV có thể hoàn tất CTĐT trong thời gian quy định. Mỗi khóa học, Trường có quyết định phân công giáo viên chủ nhiệm cho mỗi lớp học phần [H11.11.01.02]. Nhiệm vụ của GVCN được quy định trong sổ tay/quy định về công tác GVCN lớp cao học [H11.11.01.03], trong đó có nội dung tiếp nhận và xử lý những thay đổi trong quá trình đào tạo: HV nghỉ học tạm thời, chuyển cơ sở đào tạo, gia hạn thực hiện luận văn. Các trường hợp này, sau khi xử lý theo trình tự quy định, được lưu hồ sơ phòng QLKH và ĐTSĐH [H11.11.01.04]. Mỗi lớp học phần cao học đều có ban cán sự lớp, do tập thể lớp bầu ra [H11.11.01.05]. Ban cán sự đóng vai trò cầu nối

giữa tập thể lớp với GV, viên chức quản lý và các bộ phận hỗ trợ; trong đó có việc nắm bắt tình hình học tập của HV.

Sau mỗi học kỳ, GVCN thống kê tình hình kết quả học tập và số lượng HV thôi học. Tình hình HV gia hạn luận văn (tối đa một năm) được theo dõi và quản lý bởi GVCN lớp. Định kỳ, Trường tiến hành xem xét và xử lý học vụ, cho thôi học các HV không hoàn thành nhiệm vụ học tập, kéo dài thời gian học tập quá thời hạn quy định [H11.11.01.06]. Trước khi xử lý học vụ, Trường ra thông báo danh sách và tiếp nhận thông tin phản hồi từ người học về nguyên nhân không hoàn thành nhiệm vụ [H11.11.01.07].

Khóa đào tạo đầu tiên có tỷ lệ tốt nghiệp 65%. Trong đó, tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn bình quân đạt 65% trên số tốt nghiệp. Nguyên nhân chính của việc thôi học là do HV có dự định khác cho bản thân.

Bảng 11.1: Tỷ lệ tốt nghiệp và thôi học

Khóa	Số HV đầu khóa	Tỷ lệ người học hoàn thành chương trình trong thời gian			Tỷ lệ người học thôi học trong thời gian			
		2 năm	3 năm	4 năm	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4
Khóa 2017	17	11			7			
Khóa 2018	26							
Khóa 2019	10							

2. Điểm mạnh:

Có bộ phận, quy trình/công cụ để theo dõi, cập nhật danh sách, tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp. Có tiến hành thống kê danh sách, tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp mỗi khóa đào tạo. Có tìm hiểu, phân tích nguyên nhân thôi học.

3. Điểm tồn tại:

Chưa đề xuất các biện pháp giảm thiểu tỉ lệ thôi học.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm 2021, Phòng QLKH và ĐTSĐH phối hợp với với Khoa quản lý CTĐT tiến hành tổng hợp nguyên nhân thôi học và tỷ lệ thôi học tương ứng; từ đó phân tích và đề xuất giải pháp giảm thiểu tỷ lệ thôi học.

5. Tự đánh giá: tiêu chí đạt (mức 4/7)

Tiêu chí 11.2: Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả:

Việc giám sát, theo dõi thời gian học tập của HV cao học được giao cho giáo viên chủ nhiệm [H11.11.02.02], có sự phối hợp của ban cán sự lớp [H11.11.02.03].

Trong thực tế, trừ một số rất ít HV tạm ngưng trong quá trình học tập, hầu hết HV đều hoàn tất 3 học kỳ đầu tiên của CTĐT và thực hiện luận văn thạc sĩ (học kỳ 4). Tỷ lệ HV hoàn tất luận văn thạc sĩ đúng thời hạn chỉ chiếm khoảng 65 % [H11.11.02.04].

Thực tế này đã được Trường xem xét và xử lý theo hướng: (1) gia tăng tỷ trọng học phần về phương pháp nghiên cứu, nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu của HV cao học [H11.11.02.05]; (2) phân công người hướng dẫn khoa học phù hợp với định hướng nghiên cứu của HV [H11.11.02.06]; (3) Thư viện thuê tài khoản truy cập thông tin khoa học từ cổng truy cập nguồn tin điện tử của Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia [H11.11.02.07]. Tuy nhiên, giải pháp này mới chỉ được áp dụng cho một khóa đào tạo đã tốt nghiệp (khóa 2017), cần có thêm thời gian đánh giá tính hiệu quả của giải pháp này.

2. Điểm mạnh:

Có bộ phận, qui trình để theo dõi thời gian tốt nghiệp trung bình của các khóa học trong cùng CTĐT. Có tiến hành tính thời gian tốt nghiệp trung bình trong cùng CTĐT trong giai đoạn đánh giá. Tìm hiểu, phân tích nguyên nhân người học tốt nghiệp muộn và có đề xuất các biện pháp hỗ trợ người học giảm tối đa thời lượng học tập.

3. Điểm tồn tại:

Chưa tổ chức tổng kết/đánh giá hiệu quả các biện pháp hỗ trợ người học rút ngắn thời gian tốt nghiệp

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm 2021, Phòng QLKH và ĐTSĐH phối hợp với Khoa quản lý CTĐT tiến hành tổng kết, đánh giá hiệu quả các giải pháp hỗ trợ HV hoàn thành luận văn trong thời gian quy định. Tìm hiểu tỷ lệ tốt nghiệp trong nước và quốc tế để tiến hành đối sánh.

5. Tự đánh giá: tiêu chí đạt (mức 4/7)

Tiêu chí 11.3: Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả:

Đặc thù của CTĐT trình độ thạc sĩ nói chung và chuyên ngành thạc sĩ CNKTMT nói riêng là người học hầu hết là đã có việc làm. Do đó, mối quan tâm của người học là nâng cao kiến thức, kỹ năng chuyên môn trong lĩnh vực công tác, và đáp ứng yêu cầu của vị trí công tác.

Do đó, Trường đã xây dựng cơ sở dữ liệu về thông tin HV, trong đó có nội dung liên quan đến đơn vị công tác và vị trí công tác [H11.11.03.01]. Đây chính là cơ sở để Trường tiến hành khảo sát ý kiến của nhà tuyển dụng về những năng lực chuyên môn và kỹ năng mềm mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp [H11.11.03.02]; cũng như khảo sát cựu HV về những tiến bộ trong kiến thức và kỹ năng, những cải thiện về cơ hội việc làm đã đạt được sau khóa học [H11.11.03.03].

Kết quả khảo sát sau mỗi khóa học được sử dụng như là một cơ sở để điều chỉnh chính sách tuyển sinh hàng năm cho các khóa học tiếp theo. Qua khảo sát, gần 70% số HV phản hồi tự đánh giá là cải thiện cơ hội tìm kiếm việc làm tốt hơn việc làm hiện tại; hơn 70% có cơ hội thăng tiến cao hơn tại đơn vị công tác [H11.11.03.04].

Cho đến nay, theo số liệu công bố công khai của các cơ sở ĐTSĐH, về mặt chủ quan, Trường chưa có số liệu về tỷ lệ có việc làm hoặc cải thiện cơ hội làm việc của các cơ sở khác, nên chưa thể tiến hành đối sánh tỷ lệ tương ứng của mình.

2. Điểm mạnh:

Có khảo sát người học tốt nghiệp về cải thiện cơ hội việc làm sau tốt nghiệp trong thời gian đánh giá. Có khảo sát nhà tuyển dụng về cải thiện năng lực người học sau tốt nghiệp. Có số liệu tin cậy về việc làm của người học. Có tổ chức thảo luận, phân tích nguyên nhân, đề xuất các biện pháp khắc phục.

3. Điểm tồn tại:

Chưa tiến hành đối sánh tỉ lệ có việc làm trong nước và quốc tế.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm 2021, Phòng QLKH và ĐTSĐH phối hợp với Khoa quản lý CTĐT tiến hành đối sánh trong nước và quốc tế khi có thông tin tương ứng từ bên ngoài.

5. Tự đánh giá: tiêu chí đạt (mức 4/7)

Tiêu chí 11.4: Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả:

Các hoạt động nghiên cứu của HV cao học được quy định trong quá trình học và

luận văn thạc sĩ. Hoạt động nghiên cứu trong quá trình học gắn với yêu cầu, phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá; cụ thể là tiến hành lược khảo các nghiên cứu trước (literature reviews) theo các hướng nghiên cứu trong học phần, viết tiểu luận nhóm, tiểu luận cá nhân về các vấn đề nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu này được GV đánh giá, thể hiện trong điểm quá trình hoặc điểm kết thúc học phần, tùy theo học phần cụ thể [H11.11.04.01].

Bên cạnh đó, thông qua các hoạt động này, HV có thể thực hành những kiến thức đã được học trong các học phần về phương pháp nghiên cứu [H11.11.04.02], đồng thời chuẩn bị cho việc lựa chọn hướng nghiên cứu để thực hiện luận văn thạc sĩ.

Một quy định của CTĐT trình độ thạc sĩ là HV bắt buộc phải thực hiện luận văn thạc sĩ, và luận văn thạc sĩ theo quy định là một báo cáo khoa học [H11.11.04.03].

Tại mỗi khóa đào tạo, căn cứ vào ngành, đơn vị và vị trí công tác, những gợi ý từ phía GV học phần, HV vào học kỳ 3 đăng ký tên đề tài và đề xuất người hướng dẫn khoa học (tối đa 2 vị trí) [H11.11.04.04]. Căn cứ vào hướng nghiên cứu của GV, chỉ tiêu hướng dẫn theo quy định và nguyện vọng của HV, Hội đồng Khoa học Khoa MT-TN&BĐKH và Phòng QLKH&ĐKSĐH tiến hành họp và đề xuất danh sách luận văn, người hướng dẫn khoa học để Trường ra quyết định [H11.11.04.05].

Luận văn thạc sĩ do HV thực hiện, nếu người hướng dẫn khoa học thấy đáp ứng yêu cầu sẽ đề nghị cho bảo vệ, và luận văn sẽ được đánh giá tại Hội đồng đánh giá luận văn. Trình tự, thủ tục, hồ sơ của quá trình thực hiện luận văn thạc sĩ được quy định và tuân thủ [H11.11.04.06].

Luận văn sau khi đã hoàn tất chỉnh sửa sau Hội đồng được lưu bản cứng và file mềm tại Thư viện Trường để lưu trữ và cho bạn đọc tham khảo. Danh sách luận văn thạc sĩ đã thực hiện được tổng hợp theo khóa đào tạo [H11.11.04.07]. Hàng năm, Hội đồng Khoa học Khoa MT-TN&BĐKH và Hội đồng Khoa học Trường xem xét để bổ sung các định hướng nghiên cứu mới, đồng thời loại bỏ các định hướng nghiên cứu không còn khả năng phát triển [H11.11.04.08]. Các khoản chi cho hoạt động thực hiện luận văn của HV (thù lao hướng dẫn, thù lao hội đồng chấm luận văn) được Trường tổng hợp và đánh giá hàng năm [H11.11.04.09].

Cho đến nay, do hạn chế về dữ liệu công bố công khai từ các cơ sở ĐTSĐH khác, về mặt chủ quan, Trường chưa thể đối sánh loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của HV với các cơ sở đào tạo khác.

2. Điểm mạnh:

Có xác lập được các hình thức nghiên cứu (trong quá trình học, luận văn) và số lượng các hoạt động NCKH cho người học tương thích với mục tiêu và CDR của CTĐT. Có hệ thống theo dõi, giám sát, đánh giá hình thức nghiên cứu và các hoạt động NCKH của người học. Có các đề xuất, phê duyệt hướng nghiên cứu phù hợp với sự phát triển của ngành, phù hợp với khả năng của người học.

3. Điểm tồn tại:

Chưa thực hiện đối sánh loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học giữa các cơ sở đào tạo khác nhau.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm 2021, Phòng QLKH và ĐTSĐH phối hợp với Khoa quản lý CTĐT tiến hành đối sánh trong nước và quốc tế khi có thông tin tương ứng từ bên ngoài.

5. Tự đánh giá: tiêu chí đạt (mức 4/7)

Tiêu chí 11.5: Mức độ hài lòng của các BLQ được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả:

Mức độ hài lòng của các BLQ là một thang đo của chất lượng dịch vụ (Theo Parasuraman, 1998). Bên cạnh đối tượng người học, Trường xác định các BLQ chính yếu khác là GV, nhà tuyển dụng, viên chức quản lý. Nhằm đảm bảo ổn định và nâng cao chất lượng đào tạo, Trường đã ban hành quy định khảo sát ý kiến của các BLQ [H11.11.05.01]. Trong quy định này, đối với CTĐT chuyên ngành CNKTM trình độ thạc sĩ, việc khảo sát người học được giao cho Phòng QLKH và ĐTSĐH. Nội dung khảo sát bao gồm: (1) người học đánh giá chất lượng giảng dạy của GV vào mỗi học kỳ; (2) đánh giá chất lượng khóa học dành cho người học năm cuối [H11.11.05.02].

Cũng theo quy định trên, hàng năm, sau khi kết thúc khóa đào tạo, phòng QLKH và ĐTSĐH tiến hành khảo sát chất lượng đào tạo từ các BLQ chính: (1) cựu HV cao học – khảo sát việc làm và chất lượng khóa học; (2) nhà tuyển dụng – khảo sát về chất lượng đào tạo thạc sĩ; (3) GV – khảo sát về CTĐT [H11.11.05.03]. Khảo sát gần nhất cho thấy hơn 80% người học phản hồi hài lòng về chất lượng CTĐT của Trường.

Kết quả khảo sát từ phía các BLQ là một kênh thông tin quan trọng để Khoa và Tổ rà soát CTĐT tiến hành xem xét, đánh giá, cập nhật, bổ sung CTĐT theo định kỳ [H11.11.05.04]; đồng thời cũng là cơ sở để xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng hàng

năm [H11.11.05.05].

2. Điểm mạnh:

Có bộ phận, qui trình, công cụ, phương pháp tiếp nhận phản hồi từ các BLQ (GV, người học, người tốt nghiệp, nhà sử dụng lao động...). Triển khai các hoạt động để khảo sát, tiếp nhận ý kiến phản hồi từ các BLQ. Khai thác, xử lý và sử dụng các thông tin phản hồi của các BLQ làm cơ sở để cải tiến chất lượng đào tạo, CTĐT.

3. Điểm tồn tại:

Chưa có phương pháp/công cụ giám sát khách quan việc thu thập thông tin phản hồi của các BLQ

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm 2021, Phòng QLKH và ĐTSĐH phối hợp với Khoa quản lý CTĐT và TT.QLCL xây dựng phương pháp/công cụ giám sát việc thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan.

5. Tự đánh giá: tiêu chí đạt (mức 4/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 11:

Trường và phòng QLKH và ĐTSĐH về cơ bản đã có đầy đủ các văn bản pháp lý cũng như cơ chế phù hợp với sự phân công, phân nhiệm rõ ràng trong việc theo dõi và giám sát các vấn đề liên quan đến tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình, hoạt động NCKH. Ngoài ra, Trường và phòng QLKH và ĐTSĐH cũng đã có những quy định cụ thể và rõ ràng về việc khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan (người học, cựu SV, CB- GV và NTD), đồng thời có sử dụng các thông tin phản hồi của các bên liên quan làm cơ sở để cải tiến chất lượng đào tạo, CTĐT.

Tuy nhiên, phòng QLKH và ĐTSĐH chưa tiến hành đối sánh các tỷ lệ đầu ra của Trường với các CSGD trong nước và quốc tế, chưa có phương pháp/công cụ giám sát khách quan việc thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan.

Đánh giá về Tiêu chuẩn 11:

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
Tiêu chí 11.1				x				4	5/5	100

Tiêu chí 11.2				x						
Tiêu chí 11.3				x						
Tiêu chí 11.4				x						
Tiêu chí 11.5										